TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG** Bản án số: 41/2019/HS-ST Ngày 10-9-2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Quảng;

Ông Bùi Hồng Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam sách, tỉnh Hải Dương, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 41/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn G, S năm 1973;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T, S năm 1940; vợ là Nguyễn Thị B, S năm: 1976; có 03 con, lớn S năm 1993, nhỏ S năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N - (có mặt).

2. Nguyễn Hữu T, S năm 1971;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu S; S năm:1951 và con bà Nguyễn Thị B, S năm 1953; vợ là Nguyễn Thị H, S năm: 1976; có 02 con lớn S năm 1998, nhỏ S năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách - (có mặt).

3. Nguyễn Xuân T, S năm 1988;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn An Điền (nay là An Điền Xuân), xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Sg; S năm:1960 và con bà Hoàng Thị L, S năm 1959; vợ là Mạc Thị T, S năm: 1989; có 03 con lớn S năm 2010, nhỏ S năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N- (có mặt).

4. Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Nh), S năm 1978;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Th, S năm 1956 và con bà Nguyễn Thị T, S năm 1961; chồng là Phạm Văn P, S năm: 1977; có 03 con, lớn S năm 2003, nhỏ S năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N - (có mặt).

5. Nguyên Văn H, S năm 1980;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, S năm 1958; vợ là Nguyễn Thị T, S năm 1983; có 02 con lớn S năm 2006, nhỏ S năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N- (vắng mặt).

6. Phạm Bá Kh, S năm 1985;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên, ngày 27/8/2019 bị đình chỉ S hoạt Đảng; con ông Phạm Văn B, S năm 1956 và con bà Đặng Thị C, S năm 1962; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N- (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/6/2019, Nguyễn Xuân T đi bộ một mình đến nhà Nguyễn Thị S (tên gọi khác là N) ở cùng thôn chơi. Lúc này S đi chợ không có nhà. Khoảng 05 phút sau thì lần lượt Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H , Nguyễn Văn G đi bộ đến và cùng rủ nhau đánh liêng ăn tiền thì tất cả đồng ý. G gọi điện cho Nguyễn Hữu T đến đánh bạc cùng, T đồng ý. Khoảng 09 giờ 30 phút, Nguyễn Hữu T đến và bảo người đi mua bộ bài (*không nhớ là ai*) rồi tất cả cùng rủ nhau vào gian thò nhà S (*không khoá cửa*) ngồi đánh bạc. Trước khi đánh, Nguyễn Hữu T thống nhất 05 ván đầu, mỗi ván bỏ ra 20.000 đồng, người nào "sáp" bỏ ra 60.000 đồng, "đồng hoa" bỏ ra 40.000 đồng để trả cho chủ nhà là Nguyễn Thị S, tất cả đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị S đi chợ về thấy những người trên đang đánh bạc tại nhà mình thì không cho mọi đánh bạc tại nhà mình. Có người nói cho đánh một lúc nữa, do nể nang là người cùng thôn nên S đồng ý. Nguyễn Hữu T đưa cho S số tiền 100.000 đồng, S biết nguồn tiền là cho những người này đánh bạc tại nhà mình, nên cầm lấy. Khi đánh bạc, Nguyễn Văn H hết tiền nên đưa cho Nguyễn Văn G 01 dây chuyền bạc để G vay 500.000 đồng tiếp tục sử dụng vào đánh bạc. Về hình thức đánh bạc: Các bị cáo sử dụng bộ tú lơ khơ 52 quân để làm công cụ đánh bạc. Mỗi người chơi được chia 03 lá bài và lượt đánh theo chiều ngược kim đồng hồ. Sau khi chia bài xong mỗi người chơi phải bỏ số tiền 20.000 đồng để đóng gà. Tất cả mọi người xem bài của mình, người chơi có quyền theo, úp bài xin thua hoặc tố thêm tiền (tối đa 100.000 đồng). Ván bài kết thúc khi không còn ai tố thêm nữa. Khi đó người thắng ván bài sẽ được toàn bộ số tiền mà mọi người đã đóng gà và tố trước đó. Người chơi so bài để tính thắng, thua với nhau theo quy định: cao nhất là *sáp* (03 là bài có số và chữ giống nhau); tiếp đến là *liêng* (03 lá bài có thứ tự liên tiếp nhau:); tiếp đến là *ảnh* (có 03 lá bài chữ tổ hợp của các lá bài J, Q, K); tiếp đến tính điểm của 03 lá bài (cộng điểm 03 lá bài, trong đó Át là 1; 10, J,Q, K là 0; tổng điểm cao nhất là 9; tổng bài 10 điểm tính là 0; từ 11 điểm trở lên thì tính điểm bằng số hàng đơn vị). Đối với ván bài người thắng có bài *sáp, đồng hoa (Liêng cùng màu, cùng chất)* ngoài việc được ăn tiền gà, tiền tố dưới chiếu bạc, những người chơi khác phải trả thêm 60.000 đồng, 40.000 đồng. Những người có cùng loại bài thì so chất thứ tự rô, cơ, tép, bích để tính thắng thua. Các bị cáo đánh bạc đến 11 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Nam Sách phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền sử dụng để đánh bạc là 18.680.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Các đối tượng tự khai nhận số tiền sử dụng vào đánh bạc gồm: G có 6.000.000 đồng, H T có 6.500.000 đồng, X T có 2.900.000 đồng, K có 750.000 đồng; H có 670.000 đồng, sau khi hết tiền H đã đưa cho G 1 dây chuyền bạc để vay 500.000đ để đánh bạc. Các bị cáo đều thừa nhận số tiền 18.680.000 đồng thu tại chiếu bạc là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 18.680.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân thu giữ tại chiếu bạc; số tiền 100.000 đồng do Nguyễn Thị S tự nguyện giao nộp; 01 dây chuyền kim loại màu trắng trọng lượng 112,5 gam và 01 điện thoại nhãn hiệu

Samsung nắp sim số 0378605818 của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S nắp sim 0399037222 của Nguyễn Hữu T.

Bản cáo trạng số 40/VKS-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân T, Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H , Nguyễn Thị S (tên gọi khác: N) về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo có mặt xác định VKS huyện Nam Sách truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng.

Bị cáo Nguyễn Văn H có đơn đề nghị: Sau khi phạm tội bị cáo bị tai nạn lao động gãy cột sống, không đi lại được, vì vậy xin được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với G; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo G, Hữu T, Xuân T; Điều 36 BLHS đối với K, H, S. Xử phạt G và Hữu T mỗi bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng; Xuân T từ 8 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng Xử phạt K, H, S mỗi bị cáo từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, đều được trừ 03 ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ mỗi bị cáo từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo. Vật chứng: Số tiền 18.780.000 đồng (gồm cả 100.000đ thu của S) đã thu giữ và 01 dây chuyền kim loại màu trắng là tiền và vật các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung nắp sim số 0378605818 của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S nắp sim 0399037222 của Nguyễn Hữu T là phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân dùng để đánh bạc là công cụ các bị cáo sử dụng phạm tội, tịch thu tiêu hủy. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương và các bị cáo đều xin miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng thời gian từ 09 giờ 30 phút đến 11 giờ 15 ngày 01/6/2019, Nguyễn Thị S sử dụng nhà ở của mình tại thôn A, xã C, huyện N S, tỉnh Hải Dương cho Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân T, Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, bị phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 18.780.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S, 01 dây chuyền kim loại màu trắng. Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng để đánh bạc là 16.820.000đồng không phù hợp với số tiền thu giữ trên chiếu bạc (cả 100.000đồng S nộp), nhưng các bị cáo đều thừa nhận số tiền thu trên chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm về số tiền đã thu trên chiếu bạc là 18.780.000 đồng.

[3] Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân T, Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thị S không trực tiếp đánh bạc nhưng sử dụng nhà ở của mình để các bị cáo đánh bạc có thu tiền hồ. Do quy mô của chiếu bạc không lớn (dưới mười người và có một chiếu bạc, số tiền sử dụng để đánh bạc có 18.680.000 đồng) nên hành vi của S chưa đủ yếu tố cấu thành tội "gá bạc", bị cáo chỉ bị truy tố về tội đánh bạc đồng phạm với các bị cáo khác là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là công nhân trong giờ nghỉ tự bột phát cùng rủ nhau đánh bạc nên không có sự chuẩn bị, cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, mức sát phạt nhỏ, thời gian đánh bạc ít. Vì vậy cần đánh giá vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Đối với Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất. Bị cáo G có 6.000.000đồng là người gọi Hữu T đến đánh bạc và nhận cầm cố của H 01 dây bạc để cho H vay 500.000đồng tiếp tay cho H đánh bạc. Bị cáo Hữu T có 6.500.000đồng và nhờ người (không rõ ai) mua bộ bài; đề xuất việc trả S tiền hồ. Vì vậy G và Hữu T giữ vai trò đầu vụ, ngang nhau và phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Tiếp theo là Nguyễn Xuân T sử dụng số tiền đánh bạc là 2.900.000đ nên phải chịu hình phạt sau G và Hữu T. Các bị cáo H, K sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn H có 670.000đồng sau khi hết tiền vay của G 500.000đồng để đánh bạc; K có 650.000đồng. Bị cáo S không đánh bạc nhưng sử dụng nhà mình giúp sức

cho các bị cáo đánh bạc và nhận 100.000đ tiền hồ. Vì vậy S, K, H giữ vai trò ngang nhau và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[6] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo G có mẹ được tặng kỷ niệm chương đã phục vụ chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn bảo vệ Tổ Quốc, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Các bị cáo đều nhất thời phạm tội, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn và đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cho các bị cáo G, Hữu T, Xuân T được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với K, H, S, các bị cáo đều được trừ 03 ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ mỗi bị cáo từ 5% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục cũng giúp các bị cáo trở thành công dân hữu ích. Tiếp tục cấm K, H, S đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền có thể phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên do hiện nay các bị cáo đều việc làm không ổn định, đều có xác nhận của chính quyền địa phương về điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; bị cáo H sau khi phạm tội bị tai nạn lao động gãy cột sống không đi lại được. Vì vậy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với các bị cáo.

[9] Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS số tiền 18.780.000 đồng đã thu giữ và 01 dây chuyền kim loại màu trắng là tiền, vật các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung nắp sim số 0378605818 là tài sản riêng của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S nắp sim 0399037222 là tài sản riêng của Nguyễn Hữu T là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo sử dụng phạm tội, tịch thu tiêu hủy.

[10] Án Phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

[11] Khi các bị cáo đánh bạc tại nhà S, chồng bị cáo là anh Phạm Văn P không có nhà, nhà bị cáo làm trên làm trên đất của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ đẻ bị cáo). Anh P, ông Tg, bà T không biết bị cáo S sử dụng nhà cho các bị cáo đánh bạc nên không phải chịu trách nhiệm trong vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS với các bị cáo; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với G; Khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với G, Hữu T, Xuân T. Điều 36 BLHS đối với S, K, H.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị S (tên gọi khác N), Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H phạm tội "*Đánh bạc*".

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Xuân T 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị S (tên gọi khác N), Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 10 tháng cải tạo không giam giữ đều được được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 01/6/2019 đến ngày 4/6/2019)(01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ thời gian tính từ ngày UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ mỗi bị cáo từ 5% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân T cho UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian trong thời gian thử thách của án treo. Giao Nguyễn Thị S (tên gọi khác N), Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H cho UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Tiếp tục cấm các bị cáo S, H, K đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.780.000 đồng đã thu giữ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 dây chuyền kim loại màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung nắp sim số 0378605818 của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S nắp sim 0399037222 của Nguyễn Hữu T. 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ

các bị cáo sử dụng phạm tội, tịch thu tiêu hủy *(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nam Sách với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nam Sách ngày 06/9/2019)*.

Án phí*:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị S, Phạm Bá Kh, Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm Hình sự.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo G, Hữu T, Xuân T, K, S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSDND huyện Nam Sách;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Liên